

Bản án số: 13/2018/DS-ST

Ngày 26/7/2018

V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại

Ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh

Bà Vũ Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST – DS ngày 30/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-DS ngày 12/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ 7, ấp TH, xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước;

2. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1955

Địa chỉ: Tổ 8, ấp TB, xã TL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước;

Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp 9, xã LĐ, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Công ty Cổ phần XM HT 1

Địa chỉ: Số 360, đường BCD, Quận 1, TP HCM

Đại diện theo Pháp Luật: Ông Lưu Đình C, Chức Vụ; Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Mạnh H – Trưởng phòng pháp chế Thanh tra;

2. Ông Mai Xuân T – Chuyên viên phòng tổng hợp dự án;

3. Ông Nguyễn Đoàn Quốc S – Trưởng phòng tổng hợp – Nhà máy XM

BP;

4. Bà Nguyễn Thị T1 – Chuyên viên phòng pháp chế - Thanh tra.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ - Bảo vệ - Vệ sỹ MĐ

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố PL, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T2, chức vụ: Giám đốc;

2. Hội đồng BT – TĐC thị xã BL

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh P, chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã BL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn tại Tòa án thì: Nhà của các ông, bà Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị L tọa lạc tại địa chỉ Ấp Thanh Bình, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, nằm trong khu vực dự án vùng đệm Nhà máy XM BP, trực thuộc Công ty Cổ phần XM HT 1 (sau đây gọi tắt là Công ty HT 1). Nhà thuộc diện phải giải tỏa để thực hiện dự án, nhưng Công ty XM HT 1 chưa thực hiện xong việc bồi thường giải phóng mặt bằng, gia đình ông N, bà L chưa nhận tiền bồi thường. Ngày 15/4/2017 Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ - Bảo vệ - Vệ sỹ MĐ (sau đây gọi tắt là Công ty MĐ) là đơn vị nhận thầu thi công dự án trồng rừng vùng đệm nhà máy XM BP cho xe cơ giới vào san ủi toàn bộ nhà và công trình xây dựng khác gây thiệt hại. Ông N bà L yêu cầu Công ty HT 1 phải bồi thường thiệt hại. Cụ thể như sau:

Đối với ông Huỳnh Văn N: Tại đơn khởi kiện ngày 11/7/2017 ông N yêu cầu bồi thường trị giá căn nhà có diện tích 171,7m² đơn giá là 1.400.000đ/m² thành tiền là 240.380.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng). Ngày 05/3/2018 ông Huỳnh Văn N có đơn khởi kiện bổ sung, tại đơn khởi kiện bổ sung này thì ông N yêu cầu Công ty HT 1 bồi thường các khoản gồm: diện tích đất 136,1m², căn nhà xây trên đất có diện tích 171,7m²; nhà tắm diện tích 2,25m²; nhà vệ sinh diện tích 2,25m²; bể nước thể tích 10,2m³; hai hầm tự hoại mỗi hầm 1,5m². Tổng giá trị ông N yêu cầu bồi thường là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi có kết quả thẩm định giá tài sản thì ông N thay đổi yêu cầu. Cụ thể tới nay ông N yêu cầu bồi thường các hạng mục như đơn yêu cầu bổ sung với giá trị là 182.060.600 đồng (một trăm tám mươi hai triệu không trăm sáu mươi ngàn sáu trăm đồng); bồi thường tiền tái định cư là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), giá trị tại thời điểm năm 2008 và yêu cầu phía Công ty HT 1 phải trả thêm khoản tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng 0,7%/tháng từ ngày 15/7/2009 (ngày Công ty gửi tiền bồi thường cho ông N vào ngân hàng) tới nay là 162.000.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu đồng). Tổng các khoản là 394.060.600 đồng (ba trăm chín mươi bốn triệu không trăm sáu mươi ngàn sáu trăm đồng).

Đối với bà Huỳnh Thị L: Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2017 bà L yêu cầu bồi thường giá trị căn nhà có diện tích 287,1m² với đơn giá 1.400.000đ/m² thành tiền là 401.940.000 đồng (bốn trăm lẻ một triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng). Ngày 05/3/2018 bà Huỳnh Thị L có đơn khởi kiện bổ sung, theo đơn thì bà L yêu cầu bồi thường các khoản gồm: diện tích đất 1.654,8m²; căn nhà xây trên đất có diện tích 287,1m²; nhà tắm diện tích 12,88m²; nhà vệ sinh diện tích 2,16m²; bể nước thể tích

2,88m³; bàn thiên 1m²; hầm tự hoại 5m² và 1.350m² cây thuốc N. Tổng giá trị bà L yêu cầu bồi thường là 545.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Sau khi có kết quả thẩm định giá thì bà L thay đổi yêu cầu, cụ thể tới nay bà L yêu cầu bồi thường các hạng mục như đơn khởi kiện bổ sung với giá trị là 374.495.600 (ba trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm đồng); bồi thường tiền tái định cư là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) giá trị tại thời điểm năm 2008 và yêu cầu phía Công ty HT 1 phải trả thêm khoản tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng 0,7%/tháng từ ngày 19/7/2009 (ngày Công ty gửi tiền bồi thường cho bà L vào ngân hàng) tới nay là 296.000.000 đồng (hai trăm chín mươi sáu triệu đồng). Tổng cộng các khoản là 720.495.600 đồng (bảy trăm hai mươi triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty HT 1 trình bày: Công ty HT 1 có hợp đồng với Công ty MĐ về việc Công ty MĐ trồng rừng trên diện tích vùng đệm Nhà máy XM BP. Trước khi thi công, Công ty HT 1 đã bàn giao thực địa cho Công ty MĐ, trong đó chỉ bàn giao những diện tích đất đã bồi thường, giải phóng mặt bằng xong, phần diện tích chưa hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng thì không bàn giao để thi công. Đối với nhà cửa và tài sản của ông Huỳnh Văn N và bà Huỳnh Thị L thuộc phần diện tích chưa hoàn thành việc giải phóng mặt bằng, nhưng Công ty MĐ đã tự ý san ủi thì đây là trách nhiệm của Công ty MĐ, không thuộc trách nhiệm bồi thường của Công ty HT 1.

Mặt khác nhà cửa, tài sản của ông Huỳnh Văn N đã được bồi thường theo Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 21/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước. Công ty HT 1 đã chi trả tiền bồi thường nhưng ông N không nhận nên Công ty lập thẻ tiết kiệm đứng tên ông Huỳnh Văn N tại Ngân hàng Công thương Việt N đã gửi toàn bộ tiền bồi thường cho ông N vào thẻ tiết kiệm của ông N; Nhà cửa, tài sản của bà Huỳnh Thị L đã được bồi thường theo Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 07/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước. Công ty HT 1 đã chi trả tiền bồi thường nhưng bà L không nhận nên Công ty lập thẻ tiết kiệm đứng tên bà Huỳnh Thị L tại Ngân hàng Công thương Việt N đã gửi toàn bộ tiền bồi thường cho bà L vào thẻ tiết kiệm của bà L.

Đối với Công ty MĐ: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định Công ty MĐ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng Công ty MĐ không tham gia tố tụng, không có ý kiến về việc giải quyết vụ án. Tại các phiên Hòa giải và xét xử Công ty MĐ cũng xin vắng mặt.

Hội đồng Bồi thường – Tái định cư thị xã Bình Long do ông Trần Thanh P đại diện trình bày:

Áp dụng Quyết định số 58/2008/QĐ-UBND ngày 03/09/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 18/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước. Hộ ông Huỳnh Văn N và Hộ bà Huỳnh Thị L đã được bồi thường, hỗ trợ các khoản như sau:

1. Đối với hộ ông Huỳnh Văn N:

- Tại Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 21/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, ông Huỳnh Văn N được bồi thường 44.214.840đ (bốn mươi bốn triệu hai trăm mười bốn ngàn tám trăm bốn mươi đồng);

- Tại Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long được bồi thường bổ sung 51.405.900đ (năm mươi một triệu bốn trăm lẻ năm ngàn chín trăm đồng);

- Tại Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long bồi thường hỗ trợ thêm cho ông Huỳnh Văn N 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Như vậy tổng số tiền mà hộ ông Huỳnh Văn N được bồi thường, hỗ trợ là 100.620.740đ (một trăm sáu trăm hai mươi ngàn bảy trăm bốn mươi đồng).

2. Đối với hộ bà Huỳnh Thị L:

- Tại Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 07/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, bà Huỳnh Thị L đã được bồi thường số tiền 158.798.143đ (một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn một trăm bốn mươi ba đồng);

- Tại Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long, bà Huỳnh Thị L được bồi thường, hỗ trợ thêm số tiền 46.318.928đ (bốn mươi sáu triệu ba trăm mười tám ngàn chín trăm hai mươi tám đồng);

- Tại Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long bồi thường hỗ trợ thêm cho bà Huỳnh Thị L 70.677.071đ (bảy mươi triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn không trăm bảy mươi một đồng).

Như vậy tổng số tiền mà hộ bà Huỳnh Thị L được bồi thường, hỗ trợ là 275.794.142đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi hai đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Yêu cầu của ông Huỳnh Văn N và bà Huỳnh Thị L về vấn đề tiền lãi (ông N yêu cầu 162.000.000đ tiền lãi, bà L yêu cầu 296.000.000đ tiền lãi) không có trong đơn khởi kiện. Tại phiên tòa hôm nay mới yêu cầu là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần yêu cầu về tiền lãi này.

Về yêu cầu bồi thường nhà cửa, công trình, đất đai và tài sản bị thu hồi thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận theo đơn giá bồi thường của cơ quan chức năng đã xác định, không chấp nhận yêu cầu theo chứng thư thẩm định giá do phía nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thuộc trường hợp Bồi thường thiệt hại về tài sản. Theo quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

[2] Về nội dung: Ông N, bà L có nhà, đất và tài sản tại Ấp Thanh Bình, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long thuộc khu vực dự án vùng đệm nhà máy XM BP, trực thuộc Công ty Cổ phần XM HT 1 (Công ty HT 1) nên thuộc diện phải giải tỏa để làm dự án. Đơn vị chủ đầu tư là Công ty HT 1 phải có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện việc bồi thường cho ông N, bà L theo quy định của pháp luật để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

[3] Về số tiền yêu cầu bồi thường: Ông N yêu cầu bồi thường nhà cửa, tài sản với số tiền 182.060.600 đồng (một trăm tám mươi hai triệu không trăm sáu mươi ngàn sáu trăm đồng); bồi thường tiền tái định cư 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,7%/tháng từ ngày 15/7/2009 tới nay là 162.000.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu đồng). Bà L yêu cầu bồi thường nhà cửa và tài sản với số tiền 374.495.600 (ba trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm đồng); bồi thường tiền tái định cư 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày 19/7/2009 tới nay là 296.000.000 đồng (hai trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Đối với yêu cầu về tiền lãi không có trong đơn khởi kiện, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn mới đưa ra yêu cầu này là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu bổ sung này, nguyên đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác đối với yêu cầu này. Tòa án chỉ xem xét giải quyết yêu cầu của ông N với số tiền 232.060.600 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi ngàn sáu trăm đồng); xem xét yêu cầu của bà L với số tiền 424.495.600 (bốn trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm đồng).

[4] Về trách nhiệm bồi thường: Ông N, bà L cho rằng Công ty HT 1 chưa bồi thường xong đã tự ý phá dỡ nhà cửa, tài sản của họ nên họ khởi kiện yêu cầu Công ty HT 1 bồi thường. Phía Công ty HT 1 cho rằng trách nhiệm thuộc Công ty MĐ do công ty MĐ không thực hiện đúng hợp đồng. Ý kiến của Công ty HT 1 là không đúng vì Công ty HT 1 phải chịu trách nhiệm toàn bộ trên vùng dự án của mình, thiệt hại của ông N, bà L nếu có thì Công ty HT 1 phải chịu trách nhiệm bồi thường. Quan hệ hợp đồng giữa Công ty HT 1 với Công ty MĐ là một quan hệ dân sự khác, sẽ được xem xét nếu các bên có yêu cầu.

[5] Về quá trình bồi thường và số tiền bồi thường: Ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị L đã được bồi thường theo các quyết định bồi thường số 1417/QĐ-UBND ngày 21/5/2009 và Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 07/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước. Cụ thể như sau:

Đối với ông Huỳnh Văn N được bồi thường, hỗ trợ các khoản với số tiền là 44.214.840 đồng (bốn mươi bốn triệu hai trăm mười bốn ngàn tám trăm bốn mươi đồng). Ông N không đồng ý nhận tiền bồi thường nên Công ty HT 1 đã gửi toàn bộ số tiền này vào Ngân hàng Công thương Việt N bằng thẻ tiết kiệm có kỳ hạn đúng

tên ông Huỳnh Văn N là chủ sở hữu. Ngoài số tiền trên, ông N còn được bổ sung các khoản gồm: Tiền tái định cư 17.012.500 đồng (mười bảy triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm đồng); tiền bồi thường bổ sung theo Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long) 51.405.900 đồng (năm mươi một triệu bốn trăm lẻ năm ngàn chín trăm đồng); tiền bồi thường bổ sung 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long.

Đối với bà Huỳnh Thị L được bồi thường, hỗ trợ các khoản với số tiền là 158.798.000 đồng (một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn đồng), tiền tái định cư 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Do bà L không đồng ý nhận tiền bồi thường nên Công ty HT 1 đã gửi toàn bộ hai khoản tiền này vào Ngân hàng Công thương Việt N bằng hai thẻ tiết kiệm có kỳ hạn đứng tên bà Huỳnh Thị L là chủ sở hữu. Ngoài hai khoản tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên, bà L còn được bồi thường bổ sung 46.318.928 đồng (bốn mươi sáu triệu ba trăm mười tám ngàn chín trăm hai mươi tám đồng) theo quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long và 70.677.818 đồng (bảy mươi triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm mười tám đồng) theo quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long.

Như vậy đối với nhà cửa, tài sản của ông Huỳnh Văn N và bà Huỳnh Thị L nằm trong vùng dự án vùng đệm nhà máy XM BP đã được Công ty HT 1 và các cơ quan chức năng giải quyết việc bồi thường. Số tiền bồi thường do Công ty HT 1 chi trả, mặc dù ông N, bà L không nhận nhưng đã được gửi vào ngân hàng đứng tên chủ sở hữu là họ. Xem xét các căn cứ áp giá bồi thường, hỗ trợ là phù hợp với các văn bản pháp luật về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Nay ông N, bà L yêu cầu Công ty HT 1 phải bồi thường đối với các tài sản này, tức là cùng một tài sản phải bồi thường hai lần là không đúng pháp luật.

[6] Đối với việc phá dỡ nhà của ông N, bà L: Do chưa đồng ý với việc bồi thường nên ông N, bà L chưa di dời bàn giao mặt bằng cho Công ty HT 1 thực hiện dự án, phía cơ quan chức năng cũng chưa tổ chức cưỡng chế nhưng Công ty HT 1 đã đề đơn vị thi công là Công ty MĐ phá dỡ nhà ông N, bà L, đây là lỗi thuộc về phía Công ty HT 1. Tuy nhiên như đã nói ở trên là nhà, đất của ông N, bà L đã được bồi thường và thực tế khi bị phá dỡ nhà thì ông N, bà L cũng không còn cư trú tại những căn nhà này nên họ hoàn toàn không bị thiệt hại.

[7] Đối với Công ty MĐ: Là đơn vị thầu thi công trồng rừng tại vùng đệm Nhà máy XM BP, đã thi công sai hợp đồng, san ủi mặt bằng cả những phần chưa được Công ty HT 1 bàn giao, dẫn đến việc làm hư hỏng nhà cửa của ông N, bà L. Nhưng đây là quan hệ hợp đồng giữa Công ty HT 1 với Công ty MĐ, các bên chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Từ những nhận như trên thì thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn N và bà Huỳnh Thị L.

[8] Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị L đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, thực chi hết 1.000.000 đồng,

số còn lại đã chi trả cho ông N, bà L. Do yêu cầu của ông N, bà L không được chấp nhận nên ông N bà L phải chịu chi phí này;

Về chi phí thẩm định giá tài sản: Ông N, bà L đã thuê Công ty Cổ phần Thẩm định giá E XIM thẩm định giá trị các tài sản bị thiệt hại, chi phí thẩm định mỗi người hết 3.000.000 đồng. Do yêu cầu không được chấp nhận nên họ phải chịu các chi phí này.

[9] Về án phí: Ông N, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể: Tiền án phí ông N phải chịu là $232.060.600đ \times 5\% = 11.603.030đ$; tiền án phí bà L phải chịu là $424.495.600đ \times 5\% = 21.224.780đ$. Do ông N, bà L đều là người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông N, bà L. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông N, bà L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 147, 157, 165, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không giải quyết yêu cầu về tiền lãi của ông Huỳnh Văn N và bà Huỳnh Thị L vì vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Văn N về việc buộc công ty Cổ phần XM HT 1 bồi thường cho ông N 232.060.600đ (hai trăm ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi ngàn sáu trăm đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về việc buộc Công ty Cổ phần XM HT 1 bồi thường cho bà L 424.495.600đ (bốn trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm đồng).

4. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị L, mỗi người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), trừ vào tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ mà ông N, bà L đã đóng. Ngoài ra ông N, bà L mỗi người còn phải chịu chi phí thẩm định giá tài sản tranh chấp 3.000.000đ (ba triệu đồng) đã nộp tại Công ty Cổ phần Thẩm định giá E XIM.

5. Về án phí: Miễn tiền án phí cho ông Huỳnh Văn N và bà Huỳnh Thị L. Trả cho ông N 8.759.500đ (tám triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu số 0003943 quyển số 000079 ngày 20/11/2017 và số 0004029 quyển số 000081 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long; trả cho bà Bà Huỳnh Thị L 6.831.400đ (sáu triệu tám trăm ba mươi một ngàn bốn trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu số 0003941, quyển số 000079 ngày 17/11/2017 và số 0004030, quyển số 000081 ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TX Bình Long;
- Chi cục THADS TX Bình Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Bình